

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST

Ngày: 14/6/2024

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quang Lương

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần kinh doanh vật liệu xây dựng N. Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Q – Tổng Giám đốc.

Người được uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn H – Giám đốc kinh doanh bê tông, Công ty Cổ phần kinh doanh vật liệu xây dựng N. Có mặt.

Ông Dương Văn T – Thuộc Công ty Luật TNHH MTV G. Địa chỉ: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bà Trương Thị Tô U – Thuộc Công ty Luật TNHH MTV G. Địa chỉ: Số A đường D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư xây dựng X; địa chỉ: Số B đường P, Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Đ – Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đại diện nguyên đơn – Công ty Cổ phần Kinh doanh vật liệu xây dựng N (sau đây viết tắt là công ty N) trong đơn khởi kiện, trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:* Vào ngày 19/9/2021 Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng N và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng X (MSDN: 3101022358; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình) (Sau đây gọi tắt là “Công ty X”) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số: 19.09.2021/HĐKT- BTTP/NAI-NACL. Theo đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, cụ thể:

Phía Công ty N có nghĩa vụ cung ứng các sản phẩm bê tông thương phẩm mà phía Công ty X yêu cầu đặt hàng và xuất Phiếu giao hàng đối với các sản phẩm đã bàn giao; Công ty X có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty N theo giá trị hợp đồng (Giá trị hợp đồng được tính dựa trên khối lượng bê tông thương phẩm theo yêu cầu thực tế, công trình đã thực hiện mà Công ty N cung ứng).

Công ty N đã hoàn tất nghĩa vụ nêu trên. Các sản phẩm bê tông thương phẩm được Công ty N giao và xuất Phiếu giao hàng cho Công ty X đến ngày 30/4/2022. Tuy nhiên, Công ty X chưa thanh toán đầy đủ công nợ cho Công ty N chưa đầy đủ. Cụ thể tính đến ngày 30/4/2022 Công ty X còn nợ Công ty N số tiền là: 124.700.000 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 thì Công ty X phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền theo như Hợp đồng hai bên thỏa thuận. Trường hợp Công ty X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định pháp luật cho Công ty N đối với việc chậm trả nêu trên. Sau khi xác định chính xác, rõ ràng số tiền công nợ mà Công ty X chưa thanh toán cho Công ty N, Công ty N đã nhiều lần thiện chí liên hệ, gửi văn bản cho Công ty X để nhắc nhở về việc thanh toán cho Công ty N. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty X vẫn không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào cho Công ty N. Hành vi trên của Công ty X đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng hai bên đã ký kết và quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì lẽ trên, Công ty N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty X phải trả cho Công ty N số tiền gốc còn nợ là: 124.700.000 đồng (Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng) và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tạm tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 30/4/2024 theo lãi suất quá hạn do pháp luật quy định tương đương với số tiền là: $124.700.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 2 \text{ (năm)} = 24.940.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng: 124.700.000 đồng + 24.940.000 đồng = 149.640.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

* *Tại bản tự khai ngày 24/4/2024, đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty X, ông Nguyễn Quốc Đoàn – Giám đốc trình bày:* Hoàn toàn thừa nhận việc ký kết Hợp đồng kinh tế số 19.09.2021/HĐKT- BTTP/NAI-NACL ngày 19/9/2021 giữa

Công ty N và Công ty X với nội dung Công ty X mua bê tông thương phẩm để thi công công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty N đã cung cấp đầy đủ khối lượng bê tông và Công ty X đã thực hiện thanh toán được một phần giá trị bê tông đã mua theo Hợp đồng. Tính đến ngày 30/4/2022, Công ty X còn nợ Công ty N số tiền là 124.700.000 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng*) theo biên bản xác nhận đối chiếu công nợ giữa hai bên. Nay do Công ty X gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, nay Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty X phải thanh toán số nợ gốc là 124.700.000 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng*) và nợ lãi tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 20/02/2024 là 22.446.000 đồng, phía Công ty X hoàn toàn thừa nhận số nợ đã chốt giữa hai bên và đưa ra phương án trả nợ, cụ thể: Từ tháng 5/2024 đến tháng 11/2024 mỗi tháng trả khoảng 7.000.000 đồng; Từ tháng 11/2024 đến tháng 4/2025 mỗi tháng trả 15.140.000 đồng. Đối với số nợ lãi 22.446.000 đồng đề nghị Công ty N xem xét không tính lãi.

Sau khi làm bản tự khai, đại diện nguyên đơn đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải không có lý do mặc dù đều đã được tổng đạt bằng đường bưu điện các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hoãn phiên hoà giải, biên bản không tiến hành hoà giải được. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty X trả nợ cho Công ty N tổng số tiền còn nợ là 151.198.000 (*Một trăm năm mươi một triệu, một trăm chín mươi tám nghìn*) đồng, trong đó: số tiền còn nợ là: 124.700.000 (*Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn*) đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 theo lãi suất quá hạn do pháp luật quy định tương đương với số tiền là: $124.700.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 25 \text{ tháng} = 26.498.000$ (*Hai mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn*) đồng. Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty X thừa nhận các yêu cầu của nguyên đơn hiện còn nợ số tiền 124.700.000 đồng. Do hiện nay kinh tế khó khăn, Chủ đầu tư các công trình cũng còn nợ tiền của Công ty do vậy công ty không có tiền để thanh toán ngay khoản tiền nợ, xin được trả nợ dần từ đây đến ngày 30/12/2024 sẽ trả hết khoản tiền còn nợ là 124.700.000 đồng và xin không yêu cầu tính lãi. Nhưng phía nguyên đơn Công ty N không đồng ý mà yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán ngay khoản tiền còn nợ thì mới xem xét khoản tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng phía bị đơn chỉ đến Tòa án để làm bản tự khai và liên tục vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mà không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 14/6/2024 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 80/2024/QĐST-KDTM ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về Hợp đồng kinh tế số 19.09.2021/HĐKT- BTTP/NAI-NACL ngày 19/9/2021 giữa Công ty N và Công ty X với nội dung Công ty X mua bê tông thương phẩm do Công ty N cung cấp để thi công công trình. Xét hợp đồng kinh tế đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng: Theo yêu cầu khởi kiện Công ty N bán bê tông thương phẩm cho Công ty X thi công công trình. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty N đã cung cấp đầy đủ khối lượng bê tông mà Công ty X yêu cầu. Tuy nhiên, Công ty X chỉ thanh toán được một phần giá trị bê tông đã mua. Hiện Công ty X còn nợ Công ty N số tiền là 124.700.000 đồng theo biên bản xác nhận đối chiếu công nợ đã ký kết vào ngày 30/4/2022 giữa hai bên. Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Công ty X trả số tiền 124.700.000 đồng mua hàng chưa thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2022 và lời thừa nhận của phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, việc Công ty X còn nợ Công ty N số tiền 124.700.000 đồng là có căn cứ, nhưng do hiện nay công ty gặp khó khăn về kinh tế nên không có tiền để trả ngay mà xin được trả dần đến 30/12/2024 sẽ trả hết. Phía nguyên đơn Công ty N không chấp nhận, yêu cầu phải trả ngay số tiền còn nợ vì đã tạo điều kiện cho trả dần từ tháng 4/2022 đến nay nhưng không thực hiện. Do vậy cần buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ theo yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Về phần tiền lãi chậm thanh toán: Tại Hợp đồng kinh tế số 19.09.2021/HĐKT- BTTP/NAI-NACL ngày 19/9/2021 giữa Công ty N và Công ty X không có nội dung thoả thuận về lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, vì Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Công ty N yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm trên số nợ trong thời hạn từ ngày chốt công nợ là ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 là: $124.700.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 25 \text{ tháng} = 26.498.000$ (Hai

mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn) đồng. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất như trên không vượt quá lãi suất quy định của ngân hàng nhà nước, phù hợp các quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 26.498.000 đồng.

Như vậy, từ các nhận định [2.1]; [2.2] và [2.3] có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty X phải trả cho Công ty N tổng số tiền là 151.198.000 (Một trăm năm mươi một triệu, một trăm chín mươi tám nghìn) đồng; trong đó: số tiền còn nợ là 124.700.000 (Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn) đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 là 26.498.000 (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 151.198.000 đồng x 5% = 7.559.900 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357; Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 3; 24; 306 Luật Thương mại 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng X phải trả cho Công ty Cổ phần kinh doanh vật liệu xây dựng N số tiền: 151.198.000 (Một trăm năm mươi một triệu, một trăm chín mươi tám nghìn) đồng; trong đó: số tiền còn nợ mua hàng là 124.700.000 (Một trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn) đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2024 là 26.498.000 (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Từ ngày 15/6/2024 cho đến khi trả hết số tiền nợ mua hàng và số tiền lãi, hàng tháng Công ty TNHH Đầu tư xây dựng X còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền nợ mua hàng chậm trả theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

2.1. Buộc Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư xây dựng X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 7.559.900 đồng (*Bảy triệu năm trăm năm mươi chín ngàn chín trăm*) đồng.

2.2. Nguyên đơn Công ty Cổ phần kinh doanh vật liệu xây dựng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.679.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0001146 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/6/2024). Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam

